

Vấn đề toàn cầu

Đầu tư phát triển và phát triển bền vững là định đề của các nền kinh tế. Vấn đề thực hiện điều đó rất khó khăn, phức tạp, không có mô hình chung cho các nền kinh tế. Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành vấn đề toàn cầu song lộ trình hội nhập lại là vấn đề cần đủ thời gian để xây dựng và ký kết, thực hiện.

Thương mại toàn cầu đi trước đã thúc ép các nền kinh tế phải vận động, ngày nay một sản phẩm tiêu dùng mới của các hãng nổi danh chỉ trong ngày (tức thì) và chậm lắm là trong tháng có thể có mặt ở bất cứ nơi nào trên trái đất, nó lách qua các hàng rào quan thuế và phi quan thuế, nó có thể bị "nhái" trước khi hãng sản xuất hàng loạt.

**Phác thảo
mô hình
đầu tư
và hội nhập
kinh tế
quốc tế**

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Đầu tư là cách tiêu tiền, sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn và bền vững hơn tất cả (mặc dù có rủi ro). Dòng vốn đầu tư đã lan toả toàn cầu với mục tiêu kinh tế và phi kinh tế.

Đầu tư là dòng chảy vốn, thương mại là dòng trôi của hàng hoá đều có dung lượng cao. Hai dòng chảy này có thể bồi đắp lên các đồng bằng màu mỡ nhưng cũng có thể như lũ quét tàn phá các nền kinh tế, vượt qua cả ý muốn chủ quan, các ý tưởng lãng mạn. Thái độ nóng vội và cả dị ứng với hội nhập về kinh tế vẫn cùng tồn tại đó đây trên thế giới khi người ta suy xét về quy mô và thời gian của lợi ích. Nhưng hội nhập đã là xu thế tất yếu được chấp nhận với các lộ trình khác nhau song phải có những đoạn, điểm gặp nhau cùng chung trách nhiệm và cùng hưởng các lợi ích tất yếu là phục vụ cuộc sống con người tốt hơn

và thế giới phát triển bền vững.

Nước Việt Nam của chúng ta trong 15 năm đổi mới đã mở rộng quy mô hội nhập kinh tế, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế quốc tế có lợi cho quốc kế dân sinh, có lợi cho những quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế có quan hệ kinh tế với nước ta. Dòng vốn FDI, ODA và hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam cùng với nguồn nội lực trong nước đã thay đổi diện mạo của nền kinh tế nước ta một cách khả quan, hàng hoá Việt Nam đã xuất khẩu đi nhiều nơi trên thế giới, trong đó có những mặt hàng như gạo, cà phê, cao su, chè, hạt điều, thủy sản ở mức hàng đầu trong thương mại quốc tế, nhiều mặt hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp



Ảnh Điện Bàn, Miền

có mức tăng cao về sản lượng và kim ngạch xuất khẩu như dệt may, giày dép, có tiềm lực trong tương lai; chúng ta cũng tự cân đối được những mặt hàng thiết yếu như xi măng, sắt thép, giấy viết, điện năng, các dịch vụ bưu chính viễn thông, giao thông vận tải... phát triển ở mức cao chưa từng có trong lịch sử kinh tế Việt Nam.

Các doanh nghiệp có nhiều cơ hội phát triển và thực tế có nhiều doanh nghiệp thành đạt, đời sống nhân dân được nâng cao, nhiều người giàu lên nhờ đổi mới; công cuộc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí được Đảng và Nhà nước quan tâm sâu sắc đến tận các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Chính sách đầu tư phát triển của chúng ta là chính sách kinh tế - xã hội - nhân văn, mang lại lợi ích và cơ hội tốt cho mọi người. Đó là thực tế tốt đẹp, kinh

nghiệm quý báu, thành quả trân trọng và chúng ta phải gìn giữ, phát huy trong chiến lược đầu tư phát triển, tăng trưởng kinh tế và xoá giảm đói nghèo để phát triển bền vững.

Tuy nhiên cũng phải thừa nhận nguy cơ tụt hậu về kinh tế, mức tăng trưởng GDP hàng năm tuy cao, nhưng mức bình quân GDP đầu người vẫn ở mức thấp, chỉ số phát triển con người (HDI) đã xuất hiện sai lệch ở một số vùng tăng trưởng kinh tế nhanh hơn tiến bộ về văn hoá, xã hội, giáo dục. Tính cạnh tranh của nền kinh tế nước ta vẫn đứng vào nhóm cuối trong 60 nước so sánh hàng năm. Nhiều hàng hoá và dịch vụ của chúng ta có giá thành cao (chi phí đầu vào quá lớn), số lượng và chất lượng chưa đủ cạnh tranh và hội nhập vào thương mại thế giới, môi trường đầu tư chưa đủ hấp thụ lượng vốn lớn để tiến kịp các tiến bộ về công nghệ của thế giới và khu vực. Thành tựu kinh tế đạt được là đáng kể, song xuất hiện các nguy cơ phát triển không bền vững, đó là sự xuống cấp của môi trường tự nhiên, lãng phí tài nguyên, các tệ nạn xã hội nhức nhối, một bộ phận nhân dân vẫn nghèo, đói và ít cơ hội phát triển; các thế lực thù địch vẫn cản trở và phá hoại công cuộc đổi mới, chúng gây rối trật tự an ninh, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Đó là những vấn đề chúng ta không được quên trong tiến trình hội nhập về kinh tế.

Nghiên cứu của chúng tôi đã tổng hợp được nhu cầu đầu tư của nền kinh tế từ sau năm 2001. Đó là danh mục các dự án gọi vốn đầu tư được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền, được xác lập từ cơ sở, hình thành các bộ hồ sơ khá đầy đủ có mã số như Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội (mã số HN), các nhà đầu tư có thể báo mã số và được cung cấp qua mạng về nội dung cụ thể của mỗi dự án; danh mục 228 dự án quốc gia mã số (VN) theo Quyết định 62/2002/TTg của Thủ tướng Chính phủ và các dự án gọi vốn ODA, dự án trong kế hoạch và quy hoạch sẽ cung cấp thông tin tốt nhất cho các nhà đầu tư quan tâm. Theo trình tự này, các địa phương, các doanh nghiệp cần xây dựng cho mình các dự án gọi vốn đầu tư và các dự án ngoài địa phương để tìm kiếm, hình thành mối quan hệ hợp tác như liên doanh, liên kết, cung cấp vốn, vật tư kỹ thuật, công nghệ mới, bao tiêu sản phẩm, xuất khẩu, cung

cấp nguồn nhân lực, nhận thầu xây dựng, mở mang các dịch vụ công cộng... và xây dựng chiến lược cạnh tranh trong đầu tư, nâng cấp và hiện đại hoá các cơ sở kinh doanh về các phương diện.

Hiệu quả đầy đủ của mỗi dự án vẫn là vấn đề khá phức tạp. Thông thường một dự án ở dạng tinh hoặc ít mỗi liên hệ ngành, vùng thì một hay các bên đối tác thường cố gắng chứng minh hiệu quả mỗi dự án. Cũng có trường hợp hệ thống thẩm định bác bỏ không thuyết phục làm mất cơ hội đầu tư. Các quy mô dự án lượng hoá thiếu chuẩn xác cũng làm cho sản phẩm, dịch vụ không chịu nổi khấu hao, lãng phí vốn đầu tư do quy mô quá lớn, công nghệ lạc hậu; hoặc quy mô nhỏ bị mất thị trường. Môi trường cạnh tranh và hội nhập đã cho thấy sự khác nhau giữa ý muốn, tính toán chủ quan và các xu thế khách quan. Thu hẹp khoảng cách này bằng sự chủ động, nhạy cảm, sáng suốt là một đòi hỏi đối với các nhà đầu tư.

Ý tưởng về đầu tư và hội nhập

1. Bảng hội nhập về kinh tế

VIỆT NAM		THẾ GIỚI
Vùng hội nhập gián tiếp bên Việt Nam	Vùng hội nhập trực tiếp Việt Nam và thế giới theo hai chiều	Vùng hội nhập gián tiếp của thế giới
- Các doanh nghiệp trong nước phát triển trong các ngành có thế mạnh, hưởng về xuất khẩu và cạnh tranh với các hàng hoá nhập khẩu, hỗ trợ mạnh cho các doanh nghiệp hội nhập trực tiếp với tư cách là doanh nghiệp cung ứng đầu vào, tham gia nội địa hoá sản phẩm. Tách từng bộ phận chuyển sang hội nhập trực tiếp. - Cần nhập khẩu và cải tiến công nghệ, liên kết, hợp tác với nhau và nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ.	- Nguồn: FDI, ODA, vốn vay thương mại, vay hàng hoá, thuê mướn dịch vụ, - Hình thức: Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh; Doanh nghiệp BOT, BTO, BT, chi nhánh, văn phòng đại diện, hội chợ quốc tế, diễn đàn kinh tế, bảo lãnh đầu tư. - Mua, bán doanh nghiệp, mua bán cổ phần; thuê mua; phát hành cổ phiếu, trái phiếu, cho thuê bất động sản, đào tạo nguồn nhân lực, xuất nhập khẩu lao động....	- Các doanh nghiệp nước ngoài quan tâm đến các doanh nghiệp Việt Nam: quan hệ thương mại; chuẩn bị đầu tư trực tiếp, xúc tiến hội nhập trực tiếp với doanh nghiệp Việt Nam; các tổ chức kinh tế quốc tế quan tâm đến Việt Nam.

Khái niệm hội nhập trực tiếp, hội nhập gián tiếp nhằm phân biệt về tính chất, quy mô, các giai đoạn hội nhập, các tiêu chuẩn để phân biệt không cố định.

2. Bảng cân đối đầu tư

Chúng tôi thấy cần ứng dụng công nghệ tin học để xây dựng các bảng cân đối đầu tư năng động, cấu trúc theo

ngành, lãnh thổ, và tổng hợp cả nước để mỗi dự án sẽ được kiểm tra bằng việc đưa tăng dần các dữ kiện vào chương trình để xử lý theo hai chiều: Tác động của nền kinh tế, của ngành, lãnh thổ đến dự án và tác động của dự án ngược lại, các kết quả đó sẽ củng cố niềm tin về các quyết định đầu tư hoặc không đầu tư.

Theo phân cấp đầu tư hiện nay, mô hình chúng tôi đưa ra như sau:

	Tình trạng hiện thời của nền kinh tế và các dự án đang hoạt động	Dữ kiện của dự án mới	Các thay đổi so với tình trạng hiện thời để sửa đổi các dữ kiện của dự án mới và điều chỉnh dự án đang hoạt động, làm căn cứ để ra quyết định.
* Dự án quốc gia			
* Dự án của mỗi ngành			
* Dự án trên vùng lãnh thổ (của mỗi tỉnh)			
Tổng số dự án cả nước			

Dự án quốc gia sẽ thuộc một hoặc liên ngành, ở trong vùng và liên vùng, nhưng nhiều dự án của ngành, tỉnh không thuộc danh mục dự án quốc gia nhưng có ảnh hưởng qua lại với các dự

xét:

- Vùng "vành mũ" được mở rộng tối đa: Ví dụ như đầu tư phát triển bằng công nghệ cao không gây ô nhiễm môi trường, đầu tư vào các ngành Việt Nam có thế mạnh, vào các ngành xuất khẩu, thuộc danh mục khuyến khích đầu tư.

- Vùng "lòng mũ" được phân cấp theo hướng giảm dần các dự án đầu tư có điều kiện, tăng diện tích phần 1, giảm

diện tích phần 2.

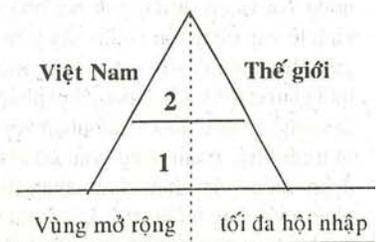
- Vùng còn lại: là vùng chưa hội nhập vì các lý do riêng và luôn luôn còn vùng không hội nhập.

Xu thế: Mở rộng quy mô các vùng hội nhập nhưng hình dạng hội nhập theo mô hình trên ít thay đổi, có thể bị biến dạng theo kiểu không đối xứng trong trường hợp các lợi ích không tương thích. Điều này cần đánh giá thường xuyên để điều chỉnh bằng các chính sách - chính lại mất "lưới hội nhập"

Lưu ý: Đường trục nét đứt quãng mô tả "lưới hội nhập" hay nói đúng hơn là hàng rào luật pháp có nét tương đồng và khác biệt nhằm thống nhất những lợi ích và ngăn cản cái bất lợi. Xu thế "mất lưới" ngày càng rộng hơn, "sợi chắc hơn" nhưng không "bỏ lưới". Mất lưới rộng hơn theo chiều từ trên xuống.

Chúng tôi đang tiếp tục nghiên cứu cụ thể hoá các mô hình trên ■

MÔ HÌNH "RỘNG VÀNH MŨ"



án quốc gia; dự án của tỉnh thuộc ngành nhất định hoặc có tính liên ngành và ảnh hưởng đến vùng. Vì vậy bảng cân đối này phải tránh được trùng lặp, có thể gộp từng nhóm vấn đề khi nghiên cứu, xây dựng, thẩm định dự án đầu tư.

3. Mô hình đầu tư và hội nhập

Theo mô hình trên có các cấp độ hội nhập mà các dự án đầu tư phải xem